

Số: 242/TB-MNHD

Thủy Nguyên, ngày 22 tháng 9 năm 2025

**THÔNG BÁO NIÊM YẾT CÔNG KHAI  
CÁC KHOẢN THU, CHI HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ  
HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO  
NĂM HỌC 2025 - 2026**

- Nghị quyết số 217/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Thông tư số 55/2011/TT- BGDĐT ngày 22/11/2011 Ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

- Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ\_HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Hướng dẫn liên sở số 86/HDL-SGDĐT-STC ngày 25/01/2024 hướng dẫn liên Sở thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố;

- Căn cứ công văn số 6126/SGDĐT-KHTC ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục Đào tạo và Sở Kế hoạch Tài chính về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026;

- Căn cứ công văn số 928/UBND-VHXH ngày 29/8/2025 của UBND Phường Thủy Nguyên về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026;

- Căn cứ vào tình hình cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác chăm sóc – nuôi dưỡng – giáo dục trẻ, số lượng học sinh của nhà trường năm học 2025 – 2026;

- Căn cứ vào biên bản cuộc họp Chi ủy chi bộ Trường mầm non Hoa Động ngày 09/9/2025;

- Căn cứ vào biên bản cuộc họp Ban giám hiệu Trường mầm non Hoa Động ngày 10/9/2025;

- Căn cứ vào biên bản cuộc họp Hội đồng sư phạm Trường mầm non Hoa Động ngày 18/9/2025;



- Căn cứ vào biên bản Hội nghị ban đại diện cha mẹ học sinh Trường mầm non Hoa Động ngày 19/9/2025;

- Căn cứ vào biên bản cuộc họp toàn thể cha mẹ học sinh tại 18 nhóm lớp Trường mầm non Hoa Động ngày 21/9/2025;

- Căn cứ vào tình hình nhiệm vụ năm học 2025 - 2026 Trường mầm non Hoa Động xây dựng kế hoạch thu - chi năm học 2025 -2026 như sau:

STT	NỘI DUNG THU, CHI	Số tiền
<b>I</b>	<b>PHẦN THU</b>	
1	<b>Học phí</b> Nhà trường không thu học phí năm học 2025 – 2026. Số tiền học phí sẽ được miễn và hỗ trợ theo Nghị quyết 217/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc Hội và Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025.	<b>1.023.120.000</b>
2	<b>Tiền ăn bán trú : Kế hoạch thu 560 cháu</b> Dự kiến thu: Tháng 9: 560c x 30.000đ x 5ngày/ tuần x 38 tuần	<b>3.192.00.000</b>
3	<b>Mua sắm TBB phục vụ bán trú:</b> Mức thu đối với cháu mới là 360.000đ/năm; cháu cũ 200.000đ/ năm Dự kiến thu : 168 cháu mới; 392 cháu cũ	<b>138.880.000</b>
4	<b>Thu hỗ trợ hoạt động phục vụ chăm sóc bán trú ( HT NV nấu ăn)</b> Kế hoạch thu: 560 cháu; mức thu 105.000đ/tháng/trẻ Dự kiến thu: 532 cháu ( đã trừ thất thu 5%) x 105.000đ/tháng x 9 tháng	<b>502.740.000</b>
5	<b>Quản lý trẻ ngoài giờ hành chính</b> Kế hoạch thu: 560 cháu : 242.000đ/trẻ/tháng ( Tính thu 5.500đ/giờ/trẻ; 2giờ/ngày) Dự kiến thu: 560 cháu x 242.000đ/tháng x 9 tháng x 95%	<b>1.158.696.000</b>
6	<b>Học tiếng anh với giáo viên là người nước ngoài</b> Mức thu : Theo hợp đồng thỏa thuận giữa nhà trường, phụ huynh và trung tâm tiếng anh ( dự kiến 8 tiết / tháng trong đó có 4 tiết với GV nước ngoài và 4 tiết với GV người Việt) tổng số thu theo số lượng học sinh đăng ký trong năm học và có biến động theo tháng .	
<b>II</b>	<b>PHẦN CHI</b>	
1	<b>Học phí</b> Nguồn học phí được sử dụng để chi lương và các khoản phụ cấp, BHXH cho viên chức và người lao động theo hướng dẫn của các cấp	<b>1.023.120.000</b>

2	<b>Tiền ăn bán trú</b> Chi mua lương thực, thực phẩm, mua sữa, mua nhiên liệu phục vụ nấu ăn cho trẻ tại trường. Trong đó gồm 1.500đ/trẻ/ngày tiền mua chất đốt, 28.500đ.trẻ/ngày để mua thực phẩm, sữa, mức chi khác nhau ở từng nhóm trẻ để đảm bảo cân bằng dưỡng chất, định lượng, định suất	3.192.000.000
3	<b>Mua sắm TTB phục vụ bán trú</b> - 98% số thu dùng để sửa chữa, mua sắm mới, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng phục vụ bán trú (chăn, chiếu, gối, khăn, ca, bát, nồi, bàn ăn, ghế ngồi, tủ đựng đồ, giá phơi khăn, tủ úp ca, xà phòng, nước rửa bát.....). - 2% số thu nộp thuế TNDN 2%	136.102.400
4	<b>Thu hỗ trợ hoạt động phục vụ chăm sóc bán trú (HT NV nấu ăn)</b> Chi hỗ trợ lương, bảo hiểm, cho nhân viên trực tiếp nấu ăn chênh lệch theo mức hỗ trợ hệ số 1.86 của thành phố và mức lương ký hợp đồng lao động trong năm học 2025 - 2026	502.740.000
5	<b>Quản lý trẻ ngoài giờ hành chính</b> - 85% số thu chi cho cán bộ, giáo viên hoặc người lao động trực tiếp làm nhiệm vụ quản lý trẻ ngoài giờ hành chính, chi cho công tác quản lý - 2% số thu nộp thuế TNDN - 13% số thu chi các hoạt động phúc lợi: Chi thưởng các ngày lễ tết, chi khen thưởng thành tích, may đồng phục, khám sức khoẻ cho CB, GV, NV nhà trường và các hoạt động thăm hỏi theo quy chế thăm hỏi và các hoạt động phúc lợi khác.	1.158.696.000
6	<b>Học tiếng anh với giáo viên là người nước ngoài:</b> - 80% số thu nộp về Trung tâm ngoại ngữ - 2% số thu nộp thuế TNDN - 18% số thu để chi cho công tác quản lý, cơ sở vật chất, ....	

**HIỆU TRƯỞNG**  
(Ký tên, đóng dấu)



*(Handwritten signature)*

**Trương Thị Thu Hiền**